

Số: 107/NQ-HĐKĐCL

Hà Nội, ngày 14 tháng 11 năm 2022

NGHỊ QUYẾT
Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục
Trường Đại học Công nghệ Đông Á

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 484/QĐ-KĐCL ngày 24/6/2022 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc điều chỉnh, bổ sung nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 350/QĐ-KĐCL ngày 19/7/2021 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy định về hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 873/QĐ-KĐCL ngày 24/10/2022 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc tổ chức Phiên họp XIX của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ kết quả nghiên cứu Hồ sơ tự đánh giá của Trường Đại học Công nghệ Đông Á, Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài, Báo cáo thẩm định của Tiểu ban chuyên môn và các tài liệu liên quan;

Căn cứ kết quả trao đổi, thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Dự thảo Nghị quyết tại Phiên họp XIX ngày 12/11/2022 của Hội đồng,

QUYẾT NGHỊ:

1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Công nghệ Đông Á của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài. Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Công nghệ Đông Á theo đúng quy định hiện hành, độc lập, khách quan, công khai, minh bạch. Kết quả đánh giá phản ánh đúng hiện trạng của Nhà trường. Nhà trường cũng đồng ý với kết quả đánh giá chất lượng của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài. Thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Công nghệ Đông Á cho thấy điểm trung bình của các tiêu chuẩn trong từng mục: Đảm bảo chất lượng về chiến lược, Đảm bảo chất lượng về hệ thống, Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng, Kết quả hoạt động đều đạt từ

3,50 điểm trở lên và không có tiêu chuẩn nào có điểm trung bình dưới 2,00 điểm (chi tiết trong *Phụ lục I*).

2. Kiến nghị Trường Đại học Công nghệ Đông Á cần thực hiện 25 nhóm giải pháp cải tiến chất lượng giáo dục (chi tiết trong *Phụ lục II*).

3. Căn cứ Điều 46, Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục cho Trường Đại học Công nghệ Đông Á.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Đinh Văn Toàn

Phụ lục I**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ ĐÔNG Á**

(Kèm theo Nghị quyết số: 107/NQ-HĐKĐCL ngày 14 tháng 11 năm 2022
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)

Lĩnh vực/Tiêu chuẩn	Điểm trung bình	Lĩnh vực/Tiêu chuẩn	Điểm trung bình
Mục 1. Đảm bảo chất lượng về chiến lược	3,71	Mục 3. Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng	3,79
Tiêu chuẩn 1	3,80	Tiêu chuẩn 13	4,20
Tiêu chuẩn 2	3,75	Tiêu chuẩn 14	3,60
Tiêu chuẩn 3	3,75	Tiêu chuẩn 15	3,80
Tiêu chuẩn 4	3,75	Tiêu chuẩn 16	3,75
Tiêu chuẩn 5	3,75	Tiêu chuẩn 17	3,75
Tiêu chuẩn 6	3,71	Tiêu chuẩn 18	3,75
Tiêu chuẩn 7	3,40	Tiêu chuẩn 19	3,75
Tiêu chuẩn 8	3,75	Tiêu chuẩn 20	3,75
Mục 2. Đảm bảo chất lượng về hệ thống	3,78	Tiêu chuẩn 21	3,75
Tiêu chuẩn 9	3,83	Mục 4. Kết quả hoạt động	3,56
Tiêu chuẩn 10	3,75	Tiêu chuẩn 22	3,50
Tiêu chuẩn 11	3,75	Tiêu chuẩn 23	3,50
Tiêu chuẩn 12	3,80	Tiêu chuẩn 24	3,75
		Tiêu chuẩn 25	3,50

Phụ lục II
CÁC KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
ĐỐI VỚI TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ ĐÔNG Á

*(Kèm theo Nghị quyết số: 107/NQ-HĐKĐCL ngày 14 tháng 11 năm 2022
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)*

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Công nghệ Đông Á giai đoạn 2017-2021 cho thấy Nhà trường có những điểm mạnh như sau:

1. Về Đảm bảo chất lượng về chiến lược: Sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi đã được xây dựng qua các giai đoạn, được rà soát, điều chỉnh, cập nhật phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Nhà trường, với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bắc Ninh, của thành phố Hà Nội và cả nước. Hệ thống quản trị, cơ cấu quản lý được thiết lập và rà soát đáp ứng yêu cầu các quy định hiện hành; các kế hoạch chiến lược được chuyển tải thành các chính sách, kế hoạch hành động và được triển khai, giám sát, đánh giá; các chế độ, chính sách về nhân lực được quan tâm rà soát, cập nhật, điều chỉnh và cải tiến.

2. Về Đảm bảo chất lượng về hệ thống: Hệ thống tổ chức đảm bảo chất lượng giáo dục bước đầu được thiết lập và vận hành; đội ngũ cán bộ tham gia công tác đảm bảo chất lượng được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; chính sách chất lượng được xây dựng và thực thi đảm bảo cho việc thực hiện các kế hoạch chiến lược và nhiệm vụ đảm bảo chất lượng hàng năm; đã triển khai tự đánh giá cơ sở giáo dục theo bộ tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, một số tồn tại phát hiện được trong quá trình tự đánh giá đã được lập kế hoạch khắc phục có một số kết quả ban đầu; hệ thống quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong được xây dựng và có những hỗ trợ cho các cấp ra quyết định trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của Trường.

3. Về Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng: Chính sách tuyển sinh, tiêu chí và phương thức xét tuyển hệ đại học và cao học được xác định rõ ràng, được công bố công khai bằng nhiều hình thức; các chương trình đào tạo được xây dựng, rà soát, điều chỉnh đảm bảo theo quy định, công tác phát triển mới chương trình đào tạo được quan tâm gắn với việc phát triển đội ngũ tương ứng quy mô đào tạo; kế hoạch phát triển hợp tác, nghiên cứu khoa học và hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng được quan tâm triển khai thực hiện và đã có một số kết quả.

4. Về Kết quả hoạt động: Hệ thống quản lý kết quả học tập, rèn luyện của người học được xây dựng, được hỗ trợ bởi phần mềm giúp theo dõi, giám sát tỉ lệ người học tốt nghiệp, thôi học, thời gian tốt nghiệp theo từng khoá học và bậc đào tạo; đã định danh được các loại hình và xác lập được khối lượng nghiên cứu khoa học cho đội ngũ giảng viên và người học; các loại hình tham gia hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội đã được xác lập; các chỉ số tài chính và cơ sở dữ liệu về hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được xác lập, giám sát; Trường đã cân đối được thu - chi đảm bảo đủ nguồn lực tài chính cho các hoạt động này.

Tuy nhiên, Nhà trường vẫn còn những điểm tồn tại cần khắc phục (cụ thể như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài). Trên cơ sở Hồ sơ thẩm

định và kết quả thảo luận tại Phiên họp, Hội đồng kiến nghị Nhà trường cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục theo 25 nhóm giải pháp dưới đây:

1. Thể hiện sứ mạng, tầm nhìn, văn hoá một cách thống nhất, rõ ràng; cần có giải pháp khả thi, các chỉ báo để nhận diện; có chiến lược và giải pháp để thực hiện mục tiêu đến năm 2030 nằm trong nhóm 100 trường đại học hàng đầu của Việt Nam; có các giải pháp đồng bộ và hệ thống nhằm đáp ứng được nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan, khuyến khích cán bộ, giảng viên và người học thực hiện và phát triển hợp tác với các bên tham gia một cách bền vững và có kế hoạch hoạt động cụ thể để giữ gìn và phát triển đầy đủ giá trị cốt lõi, xây dựng kế hoạch hành động, nhiệm vụ ưu tiên để giữ gìn bản sắc, thương hiệu của Nhà trường, phát triển các giá trị cốt lõi thành văn hoá Trường.

2. Sớm rà soát, hoàn chỉnh quy chế tổ chức và hoạt động; Hội đồng trường cần hoàn thiện các nội dung theo Nghị định số 99/2019/NĐ-CP của Chính phủ, ban hành đầy đủ các văn bản quản trị, lưu ý có quy định về trách nhiệm giải trình, sự minh bạch và giảm thiểu các rủi ro tiềm tàng trong quá trình hoạt động. Các chương trình công tác theo nhiệm kỳ, kế hoạch hàng năm, công tác chuyên đề của hệ thống quản trị, nhất là của công đoàn, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội sinh viên cần thể hiện rõ nội dung thực hiện sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi; có chiến lược đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo về quản trị chiến lược, quản trị hệ thống, quản trị theo kết quả, xây dựng và thực hiện các định hướng chiến lược đảm bảo tính bền vững và phát triển.

3. Rà soát hệ thống văn bản điều hành đảm bảo sự tương thích, đồng bộ; tăng cường năng lực quản trị đại học và năng lực tham mưu cho đội ngũ lãnh đạo quản lý các cấp; có hướng dẫn, quy trình, tiêu chí rà soát định kỳ và giám sát cải tiến trên cơ sở đánh giá thực hiện KPIs và hiệu quả công việc; thực hiện đánh giá tính hiệu quả của việc thực hiện chức năng nhiệm vụ của các thành phần trong bộ máy quản lý, năng lực quản trị, mức độ hài lòng của các bên liên quan; tăng cường và đa dạng phương thức truyền thông để định hướng tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa tạo sự đồng thuận trong Nhà trường và các bên liên quan ngoài Trường nhằm thu hút sự quan tâm, hỗ trợ vào việc thực hiện các mục tiêu chiến lược.

4. Phân công một bộ phận/đơn vị làm đầu mối phụ trách việc nghiên cứu, xây dựng, theo dõi việc thực hiện Chiến lược phát triển; rà soát tổng thể kế hoạch chiến lược đã ban hành để xây dựng chiến lược phát triển, các kế hoạch thực hiện các mục tiêu chiến lược; xác định rõ các chỉ số thực hiện và chỉ tiêu phù hợp, đảm bảo phát triển bền vững; nên ban hành văn bản hướng dẫn quy trình triển khai các chiến lược thành phần, kế hoạch trung hạn, ngắn hạn; thực hiện đối sánh trong nước và quốc tế; ứng dụng công nghệ thông tin kết nối chặt chẽ giữa các KPIs của Chiến lược phát triển với kế hoạch của các đơn vị; xây dựng khung logic, xác định nguồn lực (nhất là tài chính), biện pháp quản trị rủi ro để triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Chiến lược phát triển.

5. Nâng cao hiệu quả xây dựng chính sách qua việc ban hành và áp dụng các bản hướng dẫn, tập huấn; có các phát biểu tường minh về chính sách đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng phản ánh xu thế thay đổi phát triển của một đại học ứng dụng đa ngành trong bối cảnh biến động; lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan đến các chính sách trong quá trình thực hiện và sau cải tiến; nên bổ sung một số nội dung có tính nguyên tắc chỉ đạo các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng như: tự do học thuật, quy tắc đạo đức nhà giáo trong đào tạo, xử lý xung đột lợi ích trong nghiên cứu khoa học, mức độ

đóng góp trong phục vụ cộng đồng.

6. Rà soát đội ngũ nhân lực (sau tái cơ cấu và sau giai đoạn phát triển nhanh về quy mô) để quy hoạch và xây dựng kế hoạch trung hạn phát triển nhân lực phù hợp với cơ chế tự chủ và chiến lược phát triển mới đến 2030, tầm nhìn 2045; có cơ chế và giải pháp đột phá trong thu hút, giữ chân và đào tạo để phát triển đội ngũ chuyên gia đầu ngành, tăng số lượng giảng viên trình độ tiến sĩ trẻ kế cận; triển khai đánh giá nhu cầu để quy hoạch, bồi dưỡng theo tiếp cận năng lực, tăng tính chuyên nghiệp theo vị trí việc làm; tiếp tục thực hiện đồng bộ đánh giá kết quả, đãi ngộ theo kết quả công việc theo KPIs; thường xuyên lấy ý kiến các bên liên quan để rà soát, hoàn thiện và cải tiến.

7. Đẩy nhanh tiến độ đầu tư, khai thác hạ tầng và cơ sở vật chất của cơ sở chính tại Bắc Ninh theo quy định; rà soát toàn diện để khẩn trương điều chỉnh chiến lược và các chính sách về phát triển nguồn thu theo hướng đa dạng, tăng cường các hoạt động/lĩnh vực tiềm năng như đào tạo ngắn hạn, tư vấn, chuyển giao công nghệ; cân đối nguồn thu để ưu tiên nguồn lực cho nghiên cứu khoa học, hỗ trợ chuyển giao công nghệ và thương mại hóa; bổ sung đầy đủ tài liệu tham khảo cho các học phần tại thư viện; quan tâm đầu tư thiết bị và đảm bảo công tác an toàn phòng cháy, chữa cháy tại các khu vực phòng thí nghiệm, thực hành.

8. Hoàn thiện bộ công cụ rà soát và các chỉ báo, định kỳ có báo cáo rà soát về các quan hệ đối ngoại, mạng lưới và các đối tác; cần phân tích, đánh giá mạng lưới và các hoạt động đối ngoại theo từng mức độ phát triển; cần ban hành chính sách cụ thể để thúc đẩy, giám sát việc phát triển, duy trì các mối quan hệ, đồng thời khuyến khích các đơn vị, cá nhân tích cực tham gia các hoạt động đối ngoại trong và ngoài nước.

9. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong phù hợp với các mục tiêu chiến lược, nhu cầu và bối cảnh phát triển của Nhà trường tương thích với các yêu cầu của hệ thống đảm bảo chất lượng bên ngoài và thực tế Việt Nam; soi chiếu chiến lược phát triển của Trường với Khung đảm bảo chất lượng ASEAN để xây dựng, giám sát, đánh giá và liên tục cải tiến chất lượng các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng hướng tới xây dựng văn hóa chất lượng; phát huy vai trò của Hội đồng trường trong việc quyết định các chính sách chất lượng, chiến lược bảo đảm chất lượng; tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản quy định, hướng dẫn các hoạt động, cải tiến quy trình xác lập các chỉ tiêu và chỉ số thực hiện chính về đảm bảo chất lượng để thực hiện; ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin, số hoá hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng gắn với các chỉ số thực hiện.

10. Đầu tư, tăng cường năng lực chuyên môn cho cán bộ để đáp ứng yêu cầu tổ chức, triển khai các hoạt động đảm bảo chất lượng, nhất là công tác tự đánh giá và chuẩn bị cho đánh giá ngoài; tiếp tục cải tiến quy trình và hiệu quả của hoạt động tự đánh giá, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin và sử dụng hiệu quả kết quả để cải tiến, nâng cao chất lượng; rà soát, đánh giá hiệu quả các nhóm chuyên trách, vai trò của Hội đồng tự đánh giá, Hội đồng đảm bảo chất lượng để sớm triển khai thực hiện tự đánh giá các CTĐT theo kế hoạch; chỉ số đảm bảo chất lượng cho các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng sau quá trình tự đánh giá cần được giám sát, đối sánh đầy đủ; những thực hành đảm bảo chất lượng tốt cần được chia sẻ và lan tỏa trong các đơn vị.¹¹ Có kế hoạch và thực hiện rà soát, phát triển đầy đủ hệ thống quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong để hỗ trợ ra quyết định phù hợp cho các cấp quản lý; cần tăng cường đầu tư nguồn lực và hỗ trợ công nghệ thông tin cho việc khảo sát thông tin phản hồi từ đầy đủ các bên liên quan; xây dựng quy định

và hướng dẫn sử dụng thông tin đảm bảo chất lượng bên trong để hỗ trợ hiệu quả cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng; chú trọng vấn đề đảm bảo an toàn cho dữ liệu thông tin trên các phần mềm quản lý nội bộ; cần tăng chỉ số về mức độ lan tỏa, ảnh hưởng của hệ thống website và thông tin trực tuyến để gây dựng hình ảnh, góp phần tạo dựng thương hiệu của Nhà trường.

12. Định kỳ rà soát, cải tiến quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh, đặc biệt trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng; cần có hướng dẫn các đơn vị chịu trách nhiệm so chuẩn, đối sánh từng lĩnh vực; thực hiện phân tích sâu hơn, chi tiết hơn theo từng tiêu chí để xây dựng các giải pháp cải tiến toàn diện và thúc đẩy, khuyến khích đổi mới, sáng tạo; có tham chiếu các tiêu chí đối sánh của các cơ sở giáo dục khác ở trong nước và quốc tế nhằm xác định thang đo chuẩn phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Trường tiệm cận với khu vực; xây dựng cơ sở dữ liệu về thông tin và kết quả so chuẩn và đối sánh để phục vụ hiệu quả cho công tác quản lý, điều hành các lĩnh vực hoạt động.

13. Tiếp tục đổi mới nội dung, đa dạng phương thức truyền thông và nâng cao năng lực, hiệu quả công tác tư vấn tuyển sinh; tiếp tục huy động đông đảo cán bộ, giảng viên, sinh viên và cựu sinh viên tích cực tham gia vào công tác này; nên có chính sách tuyển thẳng để thu hút các học sinh giỏi vào học; ban hành quy trình chi tiết về giám sát công tác tuyển sinh và nhập học đối với tất cả các CTĐT để triển khai thực hiện.

14. Sớm ban hành quy định tổng thể về xây dựng và rà soát điều chỉnh CTĐT của bậc học đại học và sau đại học trên cơ sở cập nhật đầy đủ các quy định hiện hành; tiến hành rà soát để điều chỉnh các CTĐT đảm bảo đáp ứng tốt nhất yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo, có đủ nội dung theo quy định và thể hiện được tính hiện đại, đáp ứng được sứ mạng, tầm nhìn, triết lý giáo dục của Nhà trường, lưu ý bổ sung kiến thức quản lý, năng lực số và khởi nghiệp; quan tâm nâng cao kỹ năng phát triển CTĐT cho đội ngũ cán bộ quản lý chuyên môn và giảng viên.

15. Có hướng dẫn việc chuyển tải triết lý giáo dục vào các hoạt động đào tạo của các CTĐT; quan tâm nhiều hơn nữa đến hoạt động đổi mới phương pháp giảng dạy và phương pháp học tập; cần tăng cường thời lượng thực tập/thực tế, chú trọng phát triển năng lực sáng tạo và khả năng học tập suốt đời của người học.

16. Ban hành hướng dẫn việc lựa chọn các hình thức kiểm tra – đánh giá phù hợp với chuẩn đầu ra; thực hiện phân tích kết quả học tập của sinh viên, đánh giá độ tin cậy, độ giá trị của các phương pháp kiểm tra – đánh giá và đề thi để có những cải tiến kịp thời; hoàn thiện quy định về đánh giá các phương pháp kiểm tra – đánh giá để các đơn vị thực hiện, trong đó cần hướng dẫn chi tiết về thời điểm, phương pháp và công cụ, trách nhiệm của các đơn vị và giảng viên để triển khai thực hiện; hoàn thiện chức năng phân tích kết quả thi của phần mềm quản lý đào tạo để hỗ trợ cho công tác phân tích, đối sánh mối tương quan giữa điểm thi kết thúc học phần với điểm đánh giá quá trình.

17. Rà soát, phân rõ chức năng, nhiệm vụ các đơn vị và ban hành tiêu chí đánh giá các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học; đầu tư mở rộng không gian xanh, sinh hoạt chung; thành lập bộ phận tư vấn tâm lý học đường và quan tâm thực hiện các hoạt động chăm sóc sức khoẻ định kỳ cho sinh viên; có kế hoạch, giải pháp hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, tăng cường hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên; có giải pháp tổ chức sinh viên tham gia giao lưu, trao đổi sinh viên để tăng tính hội nhập.

18. Có chính sách, chế tài tăng cường nghiên cứu khoa học cho giảng viên và người học; có chiến lược, chính sách và tích cực đầu tư, thu hút nhằm phát triển nguồn lực cán bộ nghiên cứu khoa học có chất lượng, đủ về số lượng cho định hướng nghiên cứu trong các lĩnh vực thế mạnh; có giải pháp đa dạng hóa nguồn kinh phí hợp pháp cho nghiên cứu khoa học và tăng tỷ lệ nguồn thu từ hoạt động khoa học công nghệ, đồng thời tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị và các điều kiện đáp ứng yêu cầu nghiên cứu khoa học của cán bộ, giảng viên, của người học.

19. Gia tăng hơn nữa tài sản trí tuệ phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và tăng cường khai thác, chuyển giao, thương mại hóa; tăng cường đầu tư để gia tăng số lượng, chất lượng giáo trình, tài liệu học tập; đẩy mạnh số hóa việc quản lý tài sản trí tuệ, sử dụng phần mềm chống đạo văn để đảm bảo việc thực thi các văn bản quy định hiện hành về sở hữu trí tuệ trong các hoạt động của Nhà trường; lắng ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hoạt động sở hữu trí tuệ thường xuyên và đầy đủ hơn để cải tiến.

20. Quan tâm, thúc đẩy hoạt động hợp tác nghiên cứu khoa học với đối tác là các trường/viện có thế mạnh, các đối tác quốc tế theo định hướng có các sản phẩm nghiên cứu khoa học đỉnh cao; xây dựng kế hoạch hợp tác phát triển hàng năm làm căn cứ triển khai các hoạt động hợp tác đối tác và tổng kết, rà soát đánh giá chất lượng hoạt động; đẩy mạnh hơn nữa hoạt động hợp tác trao đổi sinh viên, giảng viên; sớm triển khai hợp tác đào tạo khối ngành sức khỏe theo Nghị định 111/2017/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ; tăng cường rà soát, đánh giá tính hiệu quả của các mối quan hệ hợp tác trong nghiên cứu khoa học để lựa chọn được đối tác tiềm năng.

21. Cải tiến việc xây dựng kế hoạch kết nối và phục vụ cộng đồng, nâng cao nhận thức của đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, sinh viên và hoàn thiện quy trình thực hiện; đa dạng hoá các hình thức và chú trọng phát triển các kết nối, phục vụ cộng đồng theo hướng nhân rộng các mô hình kết nối hiệu quả; tăng cường tư vấn, đào tạo bồi dưỡng, nghiên cứu, chuyển giao tri thức, đề tài đặt hàng của địa phương, doanh nghiệp theo lĩnh vực thế mạnh chuyên môn của các đơn vị; đo lường, giám sát các chỉ số thực hiện và chỉ số mức độ hài lòng và lợi ích của các bên liên quan định kỳ để cải tiến.

22. Tiếp tục phân tích nguyên nhân để có thêm các giải pháp hạn chế tỷ lệ sinh viên thôi học ở một số ngành đào tạo đặc thù; có phương án tư vấn tâm lý và tăng cường hỗ trợ của cố vấn học tập; tiếp tục hỗ trợ các điều kiện để sinh viên sớm hoàn thành các chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, tin học; duy trì các ưu tiên học bổng cho các sinh viên có nguy cơ bỏ học hoặc không đủ điều kiện theo học; tổ chức khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng đào tạo và tình hình việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp một cách hệ thống, đa dạng hơn về đối tượng; đối sánh bên ngoài trường về các tỷ lệ và kết quả đào tạo; quan tâm hơn trong hỗ trợ người học sau tốt nghiệp; tăng cường kết nối thông tin với mạng lưới cựu người học, đặc biệt là sau đại học.

23. Xây dựng kế hoạch cải tiến, định hướng rõ ràng và có các giải pháp chiến lược đồng bộ cho nghiên cứu khoa học nhằm thúc đẩy hoạt động, tăng trưởng hệ thống tài nguyên sản phẩm nghiên cứu khoa học, gia tăng số lượng và chất lượng nghiên cứu khoa học, tăng trưởng công bố khoa học... ; cần điều chỉnh chính sách, quy chế, đẩy mạnh giải pháp số hóa cho hệ thống xác lập, theo dõi, giám sát hoạt động NCKH và đẩy mạnh nghiên cứu khoa học trong người học, thúc đẩy công tác biên soạn giáo trình; xây dựng kế hoạch tài chính cho hoạt động

khoa học công nghệ đảm bảo tỉ lệ chi cho nghiên cứu khoa học theo Nghị định 99/2014/NĐ-CP và thể chế hóa trong các quy chế, quy định nội bộ; đẩy mạnh hoạt động hướng nghiệp, khởi nghiệp trong sinh viên.

24. Đa dạng hoá các hình thức phục vụ cộng đồng, tăng cường nghiên cứu, chuyển giao tri thức theo lĩnh vực thế mạnh chuyên môn của các nhà khoa học; hoàn thiện danh mục hoạt động phục vụ cộng đồng với chỉ số tương ứng và công cụ khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan để đối sánh; phân tích hiệu quả, tác động của hoạt động phục vụ cộng đồng với xã hội, cán bộ, giảng viên và sinh viên dựa trên kết quả hoạt động và kết quả khảo sát hàng năm để cải thiện.

25. Đa dạng hóa nguồn thu thông qua việc cải tiến hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, tư vấn và hợp tác quốc tế; cân đối các mục chi kết hợp cải tiến chính sách, chú trọng tăng cường thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, đẩy mạnh hợp tác trong và ngoài nước để nâng cao chất lượng các hoạt động; cần xây dựng hệ thống chỉ số thị trường phù hợp, thiết lập hệ thống giám sát và cơ sở dữ liệu về kết quả và các chỉ số thị trường của các hoạt động để giám sát, cải tiến các kế hoạch cải tiến chất lượng hoạt động cần dựa trên việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về kết quả và các chỉ số thị trường của các hoạt động.

Trên đây là 25 nhóm giải pháp tổng hợp, Nhà trường cần nghiên cứu kỹ lưỡng Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài để có thêm những giải pháp chi tiết trong quá trình triển khai thực hiện. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội theo quy định.
